

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Quý công ty

Công ty Xuân Mai tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu “**Thí nghiệm vật liệu xây dựng**” thuộc dự án: **Khu Dân cư Tân Thuận Tây tại Phường Tân Thuận, thành phố Hồ Chí Minh** theo hình thức chào giá cạnh tranh, sử dụng nguồn vốn tự có, vốn vay và vốn huy động.

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai kính mời các nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm và có điều kiện tham gia chào giá gói thầu nêu trên. Cụ thể:

- 1. Phạm vi công việc: Thí nghiệm vật liệu xây dựng**
- 2. Yêu cầu kỹ thuật:** theo quy định chung đính kèm theo thư mời chào giá.
- 3. Giá chào thầu:** Là toàn bộ chi phí để thực hiện thí nghiệm mẫu vật liệu cho kết quả thí nghiệm theo TCVN.
- 4. Điều khoản thương mại:**
 - Hình thức hợp đồng: Hợp đồng đơn giá cố định
 - Tạm ứng hợp đồng: Không tạm ứng
 - Thanh toán giai đoạn/quyết toán: 100% giá trị khối lượng thực hiện trên cơ sở khối lượng công việc thực tế hoàn thành hàng tháng.
- 5. Yêu cầu của hồ sơ chào giá:**
 - Hồ sơ năng lực của nhà thầu (Với các nhà thầu đã ký hợp đồng với Công ty XMC không cần gửi kèm hồ sơ năng lực);
 - Đơn chào giá: theo mẫu kèm theo (có ký tên và đóng dấu đại diện pháp nhân). Hiệu lực của đơn chào giá không nhỏ hơn 30 ngày.
- 6. Tiêu chí đánh giá:** đánh giá dựa trên tiêu chí về kỹ thuật và tài chính.
- 7. Địa chỉ tiếp nhận thông tin và hồ sơ yêu cầu về chào giá của bên mời thầu:**
 - **Trung tâm mua sắm - Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai**
 - + Địa chỉ: Tầng 4, Tòa tháp Xuân Mai, Tô Hiệu, Phường Hà Đông, TP.Hà Nội.
 - + Cán bộ phụ trách: Đinh Quang Hiệp
 - + Điện thoại di động: 0966449105
 - + Thời gian nhận hồ sơ yêu cầu từ 12h00 phút ngày 10/10/2026 đến 12h00 ngày 12/10/2026.
 - Thời gian nộp hồ sơ chào giá cạnh tranh: **Trước 12h00 ngày 14/10/2026**
 - Gửi Hồ sơ chào giá gửi qua E-mail: hiepdq@xuanmaicorp.vn;
Gửi cc đến các địa chỉ E-mail: gioixml@gmail.com; ducnm@xuanmaicorp.vn;
thuvth@xuanmaicorp.vn; thaondl@xuanmaicorp.vn.

8. Liên hệ khảo sát trực tiếp trước khi báo giá:

+ Trưởng ban điều hành dự án MR1- MR2: Phạm Trung Hưng 0913.344.557

9. Mọi ý kiến làm rõ, đề nghị Quý công ty gửi tới XMC trước thời hạn nộp thầu 02 ngày.

Rất mong nhận được sự tham gia của Quý Công ty.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- TGD (để b/c);
- P.TGD.PTDA (để biết);
- Lưu TTMS.

K/T.TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM MUA SẴM

Người ký: Vũ Thị Hiền Thu
Ký vào lúc: 10/10/2026

Người ký: Nguyễn Minh Đức
Ký vào lúc: 10/10/2026 16:07:12

Nguyễn Minh Đức

HỒ SƠ YÊU CẦU

I. THÔNG TIN DỰ ÁN VÀ GÓI THẦU

1. THÔNG TIN DỰ ÁN

- Dự án: Khu Dân cư Tân Thuận Tây.
- Địa điểm xây dựng: Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Xuân Mai Sài Gòn.
- Tổng thầu: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai.
- Quy mô dự án:
 - ✓ **Địa điểm:** Thuộc địa giới hành chính Phường Tân Thuận, thành phố Hồ Chí Minh.
 - ✓ **Phạm vi giới hạn khu đất MR1:**
 - + Phía Đông: giáp đường D6, lộ giới 10m;
 - + Phía Tây: giáp đường D2, lộ giới 20m;
 - + Phía Nam: giáp đường N3, lộ giới 15m;
 - + Phía Bắc: giáp đường N2, lộ giới 10m;
 - ✓ **Phạm vi giới hạn khu đất MR2:**
 - + Phía Đông: giáp đường D5;
 - + Phía Tây: giáp đường D2;
 - + Phía Nam: giáp đường N1;
 - + Phía Bắc: giáp đường N4;
 - ✓ **Diện tích khu quy hoạch MR1:**
 - + Diện tích lô là 6.994,3 m².
 - + Diện tích xây dựng là: 2.797,72 m².
 - + Diện tích xây dựng tầng điển hình là: 1.793,6 m².
 - + Quy mô dân số là: 1352 người.
 - + MR1 có chiều cao công trình 31 tầng khối tháp; 02 tầng khối đế và 3 tầng hầm.
 - ✓ **Diện tích khu quy hoạch MR2:**
 - + Diện tích lô là 5778 m².
 - + Diện tích xây dựng là: 2.253,16 m².
 - + Diện tích xây dựng tầng điển hình là: 1.619,82 m².
 - + Quy mô dân số là: 1160 người.
 - + MR2 có chiều cao công trình 29 tầng khối tháp; 02 tầng khối đế và 3 tầng hầm.

2. THÔNG TIN GÓI THẦU

- Tên gói thầu: **Thí nghiệm vật liệu xây dựng.**
- Tiến độ dự án: **Theo tiến độ thực hiện theo dự án dự kiến 30 tháng. Ngày bắt đầu dự kiến 16/10/2026.**

3. PHẠM VI CÔNG VIỆC:

- Thực hiện toàn bộ các công tác thí nghiệm kiểm tra vật tư, vật liệu, thiết bị... theo yêu cầu của Dự án.
- Bố trí mặt bằng để lưu mẫu vật liệu, vật tư tại Phòng thí nghiệm hiện trường (các mẫu sẽ được lưu cho đến khi nghiệm thu hoàn thành hạng mục và chuyển giao giai đoạn thi công hoặc các bên thống nhất lập biên bản hủy mẫu lưu).
- Cấp kết quả sơ bộ cho bên A bằng văn bản (02 văn bản cho mỗi kết quả thí nghiệm) ngay sau khi thí nghiệm xong nếu Bên A yêu cầu. Cấp kết quả chính thức cho Bên A bằng văn bản (07 văn bản cho mỗi kết quả thí nghiệm) trong vòng 03 ngày sau khi hoàn

- thành thí nghiệm.
- Chịu trách nhiệm trước Bên A, Chủ đầu tư, Tư vấn quản lý dự án và trước pháp luật đối với tất cả báo cáo, kết quả thí nghiệm cho bên A theo đúng quy định của Hợp đồng này.
 - Nhà thầu huy động tối thiểu 01 Phòng thí nghiệm hiện trường đảm bảo đáp ứng yêu cầu của công việc Dự án;
 - Nhân lực của Nhà thầu phải có chứng chỉ hành nghề, trình độ chuyên môn, kỹ năng, kinh nghiệm phù hợp, tương xứng với nghề nghiệp, công việc và tuân theo yêu cầu của Gói thầu và Dự án.
 - Nhà thầu có trách nhiệm bố trí đầy đủ nhân lực, trang thiết bị trong phòng và hiện trường theo yêu cầu của Bên A để đảm bảo thực hiện các nội dung theo phạm vi công việc của dự án kể cả tăng ca, thêm giờ mà không phát sinh chi phí.

4. YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC, KỸ THUẬT VÀ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ

Sử dụng phương pháp theo tiêu chí “đạt”, “không đạt”. HSCG được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về năng lực, kỹ thuật khi tất cả yêu cầu về năng lực, kỹ thuật đều được đánh giá là “đạt”.

1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực:

TT	Nội dung	Yêu cầu tối thiểu
1	Năng lực kinh nghiệm:	
1.1	Giấy đăng ký kinh doanh.	Còn hoạt động
1.2	Số hợp đồng tương tự (Thí nghiệm vật liệu xây dựng) - Công trình cấp I - Công trình cấp II	≥ 1 hợp đồng ≥ 2 hợp đồng
2	Năng lực kỹ thuật	
2.1	Số năm kinh nghiệm tham gia hoạt động trong lĩnh vực Thí nghiệm vật liệu xây dựng	≥ 3 năm
2.2	Số lượng kỹ thuật có chứng chỉ hành nghề phù hợp (có hợp đồng lao động còn thời hạn với công ty)	≥ 5 người
3	Năng lực tài chính trong thời gian 02 năm gần đây:	
3.1	Nhà thầu hoạt động không bị thua lỗ trong 2 năm gần nhất 2024, 2025. Có bảng quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm gần nhất, tờ khai thuế giá trị gia tăng năm 2025 (xác nhận của cơ quan thuế đã nộp) hoặc biên bản quyết toán thuế năm gần nhất.	Lợi nhuận > 0 tỷ VNĐ
3.2	Doanh thu trong năm 2025:	$\geq 0,2$ tỷ VNĐ
	Kết luận:	
	Nhà thầu đáp ứng được tất cả các tiêu chí 1, 2, 3 ở trên	Đạt

TT	Nội dung	Yêu cầu tối thiểu
	Nhà thầu không đáp ứng được một trong các tiêu chí 1, 2, 3 ở trên	Không đạt

2. Yêu cầu về thời gian, tiến độ thi công, phương án tổ chức thi công thời gian bảo hành

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
1	Thời gian thực hiện	Tối đa 30 tháng	>30 tháng
2	Tiến độ thi công chi tiết	Có tiến độ thi công chi tiết	Không có tiến độ thi công chi tiết
Kết luận		Đạt tất cả (2) nội dung trên	Không đạt (1) trong (2) nội dung nêu trên
		Đạt	Không đạt

BIỂU MẪU

Mẫu số 1

ĐƠN CHÀO GIÁ

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ *[Ghi tên bên mời thầu]*

(sau đây gọi là bên mời thầu)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu chào giá cạnh tranh và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu chào giá cạnh tranh số ____ *[Ghi số, ngày của văn bản sửa đổi, nếu có]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ *[Ghi tên nhà thầu]*, cam kết thực hiện gói thầu ____ *[Ghi tên gói thầu]* theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là ____ *[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ]* cùng với biểu giá kèm theo, thi công trong thời gian ____ *[Ghi tổng thời gian để thi công hoàn thành gói thầu]*.

Nếu hồ sơ chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết cung cấp hàng hóa theo đúng các điều khoản được thỏa thuận trong hợp đồng.

Hồ sơ chào giá này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày *[Ghi số ngày]*, kể từ ____ giờ, ngày ____ tháng ____ năm ____ *[Ghi thời điểm hết hạn nộp hồ sơ chào giá]*.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽¹⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào giá thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần này. Trường hợp tại Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào giá thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần này). Trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu trúng thầu phải trình chủ đầu tư bản chụp được chứng thực của các văn bản, tài liệu này.

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*Ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia chào giá cạnh tranh gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc dự án ____ [*Ghi tên dự án*] do ____ [*Ghi tên bên mời thầu*] tổ chức:

[-Ký đơn chào giá;

- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia chào giá cạnh tranh, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSCG;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu trúng thầu.] ⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*Ghi tên nhà thầu*]. ____ [*Ghi tên nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*Ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn chào giá. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền do người ủy quyền quyết định, bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào giá cạnh tranh.

BẢNG 01: DANH MỤC THÍ NGHIỆM VLXD

STT	Tên chỉ tiêu, phép thử	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá trước thuế (VNĐ)	Ghi chú
A	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU CÁT ĐEN, CÁT VÀNG, ĐÁ, XI MĂNG, NƯỚC, PHỤ GIA BỀ TÔNG				
I	Thí nghiệm cơ lý xi măng				
1	Xác định khối lượng riêng	Mẫu	1		
2	Xác định độ mịn	Mẫu	1		
3	Tính ổn định thể tích	Mẫu	1		
4	Xác định lượng nước tiêu chuẩn, thời gian bắt đầu và kết thúc đông kết	Mẫu	1		
5	Xác định giới hạn bền uốn, bền nén	Mẫu	1		
6	Xác định cường độ theo Phương pháp chuẩn	Mẫu	1		
7	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn	Mẫu	1		
8	Xác định lượng nước tiêu chuẩn hồ xi măng	Tổ mẫu	1		
9	Xác định hàm lượng bột khí trong vữa xi măng	Tổ mẫu	1		
II	Thí nghiệm cơ lý cốt liệu mịn Cát đen, cát vàng				
1	Xác định khối lượng riêng	Mẫu	1		
2	Xác định khối lượng thể tích xốp	Mẫu	1		
3	Xác định độ ẩm	Mẫu	1		
4	Xác định thành phần hạt, modun độ lớn	Mẫu	1		
5	Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét	Mẫu	1		
6	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	Mẫu	1		
7	Xác định hàm lượng mica	Mẫu	1		
8	Xác định hàm lượng cát tương đương (ES)	Mẫu	1		
9	Xác định KL thể tích khô	Mẫu	1		
10	Xác định KL thể tích bão hòa	Mẫu	1		
11	Xác định độ hút nước	Mẫu	1		
III	Thí nghiệm cơ lý cốt liệu Đá				
1	Xác định khối lượng riêng	Mẫu	1		
2	Xác định khối lượng thể tích xốp	Mẫu	1		
3	Xác định thành phần hạt	Mẫu	1		
4	Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét	Mẫu	1		

STT	Tên chỉ tiêu, phép thử	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá trước thuế (VNĐ)	Ghi chú
5	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt	Mẫu	1		
6	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu và phong hóa	Mẫu	1		
7	Xác định độ nén đập xi lanh	Mẫu	1		
8	Xác định độ mài mòn Los Angeles	Mẫu	1		
9	Xác định thể tích khô	Mẫu	1		
10	Xác định thể tích bão hòa	Mẫu	1		
11	Xác định độ hút nước	Mẫu	1		
12	Độ ẩm	Mẫu	1		
13	Độ rỗng	Mẫu	1		
14	Xác định cường độ nén, va đập và hệ số háo của đá trong xi măng	Mẫu	1		
15	Hàm lượng tạp chất hữu cơ của vật liệu	Mẫu	1		
16	Khả năng phản ứng kiềm silic	Mẫu	1		
17	Xác định giới hạn dẻo, chảy	Mẫu	1		
18	Hàm lượng clorua	Mẫu	1		
19	Thí nghiệm SO ₃ , ion Clo, kiểm Silic vật liệu	Mẫu	1		
IV	Thử nghiệm nước xây dựng				
1	Xác định độ PH	Mẫu	1		
2	Xác định hàm lượng ion Cl ⁻	Mẫu	1		
3	Xác định Hàm lượng SO ₄ ⁻²	Mẫu	1		
4	Tổng hợp muối hòa tan	Mẫu	1		
5	Hàm lượng cặn không tan	Mẫu	1		
6	Hàm lượng chất hữu cơ	Mẫu	1		
7	Hàm lượng dầu mỡ	Mẫu	1		
V	Thử nghiệm phụ gia				
1	Xác định độ PH	Mẫu	1		
2	Xác định tỷ trọng	Mẫu	1		
3	Xác định hàm lượng chất khô ảnh hưởng của phụ gia đến độ co nở	Mẫu	1		
4	Xác định ảnh hưởng của phụ gia đến độ co nở của bê tông	Mẫu	1		
5	Xác định tính năng của phụ gia theo các chỉ tiêu: Khả năng giảm nước, cường độ chịu nén uốn	Mẫu	1		
B	THIẾT KẾ THÀNH PHẦN CẤP PHỐI BÊ TÔNG, VỮA XI MĂNG				

STT	Tên chỉ tiêu, phép thử	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá trước thuế (VNĐ)	Ghi chú
1	Thiết kế thành phần cấp phối BTXM	TKCP	1		
2	Thiết kế thành phần cấp phối Vữa xi măng	TKCP	1		
C	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG, VỮA XÂY DỰNG				
I	Thử nghiệm bê tông				
1	Kiểm tra độ sụt bê tông tại công trình	Lần TN	1		
2	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	Mẫu	1		
3	Xác định khối lượng thể tích	Mẫu	1		
4	Xác định độ hút nước	Mẫu	1		
5	Xác định độ tách nước của hỗn hợp bê tông	Mẫu	1		
6	Kiểm tra độ co, độ chùng nở bê tông	Mẫu	1		
7	Đúc mẫu bê tông tại công trường	Mẫu	1		
8	Thử nghiệm cường độ nén mẫu 10x10x10cm	Tổ mẫu	1		
9	Thử nghiệm cường độ nén mẫu 15x15x15cm	Tổ mẫu	1		
10	Thử nghiệm cường độ nén mẫu 15x30cm	Tổ mẫu	1		
11	Thử nghiệm cường độ nén mẫu 20x20x20cm	Tổ mẫu	1		
12	Thử nghiệm cường độ uốn mẫu	Tổ mẫu	1		
II	Chống thấm bê tông				
1	Gia công mẫu chống thấm	Viên	1		
2	Xác định độ thấm bê tông đóng rắn (B6)	Tổ mẫu	1		
III	Khoan rút lõi				
1	Khoan rút lõi	Viên	1		
2	Gia công và thử nghiệm cường độ mẫu khoan	Viên	1		
IV	Kiểm tra cường độ bê tông bằng phương pháp không phá hủy				
1	Kiểm tra cường độ bê tông bằng súng bắn bột nảy	Vị trí	1		
2	Kiểm tra cường độ bê tông bằng máy siêu âm+súng bột nảy	Vị trí	1		

STT	Tên chỉ tiêu, phép thử	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá trước thuế (VNĐ)	Ghi chú
3	Siêu âm kiểm tra độ đồng nhất của bê tông	Cầu kiện	1		
4	Siêu âm mối hàn	Vị trí	1		
V	Thử nghiệm vữa				
1	Xác định độ linh động mẫu vữa	Mẫu	1		
2	Xác định độ hút nước của vữa	Mẫu	1		
3	Đúc mẫu vữa 4x4x16cm	Tổ mẫu	1		
4	Thử nghiệm cường độ nén mẫu 4x4x16cm	Tổ mẫu	1		
5	Thử nghiệm cường độ nén mẫu 7.07x7.07x7.07cm	Tổ mẫu	1		
6	Thử nghiệm cường độ nén mẫu 5x5x5cm	Tổ mẫu	1		
7	Thử nghiệm uốn mẫu vữa	Tổ mẫu	1		
D	CÁC PHÉP THÍ NGHIỆM ĐẤT + CÁT + CẤP PHỐI ĐÁ DẼM				
1	Xác định độ mài mòn Los-Angles	Mẫu	1		
2	Xác định độ chặt đầm nén tiêu chuẩn cát	Mẫu	1		
3	Xác định độ chặt đầm nén tiêu chuẩn đá dăm	Mẫu	1		
4	Xác định độ chặt đầm nén tiêu chuẩn đất	Mẫu	1		
5	Thí nghiệm sức chịu tải CBR trong phòng	Mẫu	1		
6	Xác định giới hạn chảy, giới hạn dẻo	Mẫu	1		
7	Xác định thành phần hạt	Mẫu	1		
8	Xác định hàm lượng thoi det	Mẫu	1		
9	Xác định khối lượng thể tích xốp	Mẫu	1		
10	Xác định khối lượng thể tích	Mẫu	1		
11	Xác định khối lượng riêng	Mẫu	1		
12	Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét	Mẫu	1		
13	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu phong hóa	Mẫu	1		
14	Xác định độ ẩm	Mẫu	1		
15	Xác định hệ số hóa mềm	Mẫu	1		
16	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	Mẫu	1		

STT	Tên chỉ tiêu, phép thử	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá trước thuế (VNĐ)	Ghi chú
17	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	Mẫu	1		
18	Xác định hệ số thấm K	Mẫu	1		
19	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất	Mẫu	1		
E	THỬ NGHIỆM CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ KIM LOẠI				
I	Thép xây dựng (tròn trơn, tròn gai)				
1	Thử nghiệm độ bền uốn D6	Tổ mẫu	1		
2	Thử nghiệm độ bền kéo D6	Tổ mẫu	1		
3	Thử nghiệm độ bền uốn D8 -:- D12	Tổ mẫu	1		
4	Thử nghiệm độ bền kéo D8 -:- D12	Tổ mẫu	1		
5	Thử nghiệm độ bền uốn D14 -:- D20	Tổ mẫu	1		
6	Thử nghiệm độ bền kéo D14 -:- D20	Tổ mẫu	1		
7	Thử nghiệm độ bền uốn D22 -:- D25	Tổ mẫu	1		
8	Thử nghiệm độ bền kéo D22 -:- D25	Tổ mẫu	1		
9	Thử nghiệm độ bền uốn D28 -:- D32	Tổ mẫu	1		
10	Thử nghiệm độ bền kéo D28 -:- D32	Tổ mẫu	1		
11	Thử nghiệm độ bền uốn $\geq D32$	Tổ mẫu	1		
12	Thử nghiệm độ bền kéo $\geq D32$	Tổ mẫu	1		
13	Thí nghiệm thử uốn lại của thép	Tổ mẫu	1		
14	Thí nghiệm đo khoảng cách bước gân và chiều cao gân	Mẫu	1		
II	Ống thép đen, ống thép tráng kẽm...				
1	Gia công mẫu	Thanh	1		
2	Thử nghiệm độ bền kéo, uốn, giãn dài	Tổ mẫu	1		
III	Thép bản, thép tấm, thép hình...				
1	Gia công mẫu	Thanh	1		
2	Thử nghiệm độ bền kéo, uốn, giãn dài	Tổ mẫu	1		
VI	Thép hàn				

STT	Tên chỉ tiêu, phép thử	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá trước thuế (VNĐ)	Ghi chú
1	Gia công mẫu	Thanh	1		
2	Thử nghiệm độ bền kéo (môi hàn)	Tổ mẫu	1		
V	Thử nghiệm thép nối ren (Coupler)				
1	Thử nghiệm độ bền kéo môi nối ren (coupler) từ (D4-D...mm)	Tổ mẫu	1		
VI	Thử nghiệm bulong				
1	Thử nghiệm độ bền kéo từ (M4- M20mm)	Mẫu	1		
2	Thử nghiệm độ bền kéo Từ (M32- M40mm)	Mẫu	1		
VII	Thử nghiệm nhôm, Inox				
1	Thử nghiệm độ bền kéo	Mẫu	1		
VIII	Thép ly, Thép Rọ				
1	Cường độ chịu kéo	Mẫu	1		
2	Đường kính mắt lưới	Mẫu	1		
3	Chiều dày lớp phủ	Mẫu	1		
F	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH				
I	Chỉ tiêu cơ lý gạch đất sét nung (gạch đặc+gạch rỗng)				
1	Gia công mẫu	Tổ mẫu	1		
2	Xác định kích thước hình học	Tổ mẫu	1		
3	Xác định cường độ nén	Tổ mẫu	1		
4	Xác định cường độ uốn	Tổ mẫu	1		
5	Xác định độ hút nước	Tổ mẫu	1		
6	Xác định khối lượng thể tích	Tổ mẫu	1		
II	Chỉ tiêu cơ lý gạch bê tông cốt liệu, gạch block				
1	Gia công mẫu	Mẫu	1		
2	Xác định kích thước hình học	Tổ mẫu	1		
3	Xác định cường độ nén	Tổ mẫu	1		
4	Xác định độ rỗng	Tổ mẫu	1		
5	Xác định độ hút nước	Tổ mẫu	1		
6	Xác định độ thấm nước	Tổ mẫu	1		
7	Xác định mài mòn gạch block	Tổ mẫu	1		
III	Chỉ tiêu cơ lý gạch bê tông nhẹ "gạch bê tông khí chưng áp AAC"				
1	Gia công mẫu	Mẫu	1		
2	Xác định kích thước hình học	Tổ mẫu	1		
3	Xác định cường độ nén	Tổ mẫu	1		

STT	Tên chỉ tiêu, phép thử	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá trước thuế (VNĐ)	Ghi chú
4	Xác định khối lượng thể tích khô	Tổ mẫu	1		
5	Xác định độ ẩm	Tổ mẫu	1		
IV	Chỉ tiêu cơ lý bê tông nhẹ "bolck khí không chưng áp"				
1	Gia công mẫu	Mẫu	1		
2	Xác định kích thước hình học	Tổ mẫu	1		
3	Xác định cường độ nén	Tổ mẫu	1		
4	Xác định khối lượng thể tích khô	Tổ mẫu	1		
5	Xác định độ ẩm	Tổ mẫu	1		
V	Chỉ tiêu cơ lý gạch ốp lát				
1	Gia công mẫu	Mẫu	1		
2	Xác định kích thước hình học và chất lượng bề mặt	Tổ mẫu	1		
3	Xác định độ bền uốn	Tổ mẫu	1		
4	Xác định khối lượng thể tích, khối lượng riêng	Tổ mẫu	1		
5	Xác định hút nước	Tổ mẫu	1		
6	Xác định độ mài mòn gạch phủ men	Tổ mẫu	1		
7	Xác định độ cứng bề mặt	Tổ mẫu	1		
VI	Chỉ tiêu cơ lý gạch Terrazzo				
1	Gia công mẫu	Mẫu	1		
2	Xác định kích thước hình học	Tổ mẫu	1		
3	Xác định độ bền uốn	Tổ mẫu	1		
4	Xác định khối lượng thể tích	Tổ mẫu	1		
5	Xác định hút nước	Tổ mẫu	1		
6	Xác định độ mài mòn bề mặt	Tổ mẫu	1		
7	Xác định độ cứng bề mặt	Tổ mẫu	1		
8	Xác định độ chịu va đập	Tổ mẫu	1		
VII	Chỉ tiêu cơ lý Đá ốp lát...				
1	Gia công mẫu	Mẫu	1		
2	Xác định kích thước mẫu và chất lượng bề mặt	Tổ mẫu	1		
3	Xác định độ bền uốn	Tổ mẫu	1		
4	Xác định khối lượng thể tích	Tổ mẫu	1		
5	Xác định hút nước	Tổ mẫu	1		
6	Xác định độ mài mòn sâu	Tổ mẫu	1		
7	Xác định độ cứng vạch bề mặt	Tổ mẫu	1		

STT	Tên chỉ tiêu, phép thử	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá trước thuế (VNĐ)	Ghi chú
G	THỬ NGHIỆM ỐNG NHỰA				
I	Thí nghiệm ống nhựa uPVC, PPR, PVC, phụ kiện ống nhựa				
1	Gia công mẫu	Mẫu	1		
2	Xác định kích thước, đo oval	Mẫu	1		
3	Thử độ bền kéo đứt	Mẫu	1		
4	Xác định độ va đập	Mẫu	1		
5	Thử áp lực ống $\leq D150$ (Ghi chú: mang đầu bịt phù hợp với kích thước ống)	Mẫu	1		
6	Thử áp lực ống D150 -:-D300 (Ghi chú: mang đầu bịt phù hợp với kích thước ống)	Mẫu	1		
II	Ống HPDE (Cấp, thoát nước)				
1	Xác định kích thước	Mẫu	1		
2	Xác định độ bền áp suất tĩnh ở 20 độ trong vòng 1h	Mẫu			
2.1	+ $D \leq 110$	Mẫu	1		
2.2	+ $110 \leq D < 200$	Mẫu	1		
2.3	+ $200 \leq D < 300$	Mẫu	1		
3	Xác định độ bền áp suất tĩnh ở 80 độ trong vòng 1h	Mẫu			
3.1	+ $D \leq 110$	Mẫu	1		
3.2	+ $110 \leq D < 200$	Mẫu	1		
3.3	+ $200 \leq D < 300$	Mẫu	1		
4	Xác định độ bền kéo	Mẫu	1		
5	Xác định độ giãn dài khi kéo	Mẫu	1		
III	Ống PPR				
1	Xác định kích thước	Mẫu	1		
2	Xác định độ dày thành	Mẫu	1		
3	Xác định độ bền áp suất tĩnh ở 200C trong vòng 1 h	Mẫu			
3.1	+ $D < 110$	Mẫu	1		
3.2	+ $110 \leq D < 200$	Mẫu	1		
4	Xác định độ bền áp suất tĩnh ở 950C trong vòng 165h	Mẫu			

STT	Tên chỉ tiêu, phép thử	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá trước thuế (VNĐ)	Ghi chú
4.1	+ D < 110	Mẫu	1		
4.2	+ 110 ≤ D < 200	Mẫu	1		
5	Xác định độ bền va đập ở 0 oC	Mẫu	1		
6	Xác định độ co ngót theo chiều dọc	Mẫu	1		
IV	Ống uPVC				
1	Xác định kích thước	Mẫu	1		
2	Xác định độ dày thành	Mẫu	1		
3	Xác định độ bền áp suất tĩnh ở nhiệt độ 200C trong 1h	Mẫu			
3.1	+ D < 110	Mẫu	1		
3.2	+ 110 ≤ D < 200	Mẫu	1		
3.3	+ 200 ≤ D < 300	Mẫu	1		
4	Xác định độ bền va đập ở 0 oC	Mẫu	1		
5	Xác định độ bền kéo	Mẫu	1		
V	Ống HDPE gân xoắn (Luồn dây điện, dây viễn thông)				
1	Xác định kích thước	Mẫu	1		
2	Độ bền kéo đứt	Mẫu	1		
3	Thử nén ống với lực P=213xR	Mẫu	1		
4	Độ bền va đập ở 0 oC	Mẫu	1		
5	Thử bắt lửa bằng ngọn lửa	Mẫu	1		
VI	Ống HDPE gân xoắn 1 Lớp & 2 Lớp (Thoát nước thải)				
1	Xác định kích thước	Mẫu	1		
2	Độ cứng vòng	Mẫu	1		
3	Độ đàn hồi vòng	Mẫu	1		
4	Độ bền va đập tuần hoàn	Mẫu	1		
5	Xác định độ bền áp suất tĩnh ở 20 độ trong vòng 1 h	Mẫu	1		
6	Độ bền nhiệt	Mẫu	1		
H	THÍ NGHIỆM KÍNH				

STT	Tên chỉ tiêu, phép thử	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá trước thuế (VNĐ)	Ghi chú
1	Thí nghiệm kích thước và khuyết tật ngoại quan	Mẫu	1		
2	Xác định độ bền va đập bơi rơi	Mẫu	1		
3	Xác định độ bền va đập con lắc	Mẫu	1		
i	THÍ NGHIỆM KEO DÁN GẠCH				
1	Xác định thời gian mở	Mẫu	1		
2	Xác định độ trượt	Mẫu	1		
3	Xác định cường độ bám dính khi kéo	Mẫu	1		
4	Xác định độ biến dạng ngang	Mẫu	1		
J	THÍ NGHIỆM KHUNG VÁCH, TRẦN THẠCH CAO				
I	Thử nghiệm khung xương, vách thanh treo thạch cao				
1	Kiểm tra kích thước hình học	Mẫu	1		
2	Thử nghiệm chiều dày lớp phủ, lớp mạ	Mẫu	1		
3	Thử nghiệm kiểm tra khả năng chịu tải	Mẫu	1		
II	Thử nghiệm tấm thạch cao				
1	Xác định độ cứng	Mẫu	1		
2	Xác định cường độ chịu uốn	Mẫu	1		
3	Xác định độ biến dạng ẩm	Mẫu	1		
4	Xác định độ kháng nhỏ đinh	Mẫu	1		
5	Xác định độ hút nước	Mẫu	1		
K	THÍ NGHIỆM BỘT BẢ				
1	Xác định độ mịn	Mẫu	1		
2	Xác định khối lượng thể tích	Mẫu	1		
3	Xác định thời gian đông kết	Mẫu	1		
4	Xác định độ bám dính với nền	Mẫu	1		
5	Xác định độ giữ nước	Mẫu	1		
L	THÍ NGHIỆM GỖ TỰ NHIÊN, CÔNG NGHIỆP VÀ VÁN ÉP				
I	Thử nghiệm gỗ tự nhiên				

STT	Tên chỉ tiêu, phép thử	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá trước thuế (VNĐ)	Ghi chú
1	Gia công mẫu	Mẫu	1		
2	Xác định độ ẩm	Mẫu	1		
3	Xác định khối lượng thể tích	Mẫu	1		
4	Xác định giới hạn bền khi uốn	Mẫu	1		
5	Xác định modun đàn hồi khi uốn	Mẫu	1		
6	Xác định giới hạn bền nén	Mẫu	1		
7	Xác định giới hạn bền kéo	Mẫu	1		
II	Thử nghiệm gỗ công nghiệp ván sợi, ván MDF và ván trang trí				
1	Gia công mẫu	Mẫu	1		
2	Xác định kích thước	Mẫu	1		
3	Xác định độ ẩm	Mẫu	1		
4	Xác định độ vuông góc và độ thẳng cạnh	Mẫu	1		
5	Xác định khối lượng thể tích	Mẫu	1		
6	Xác định độ trương nở chiều dày sau ngâm nước 24h	Mẫu	1		
7	Xác định modun đàn hồi uốn tĩnh	Mẫu	1		
8	Xác định độ bền kéo	Mẫu	1		
9	Xác định độ bền ẩm	Mẫu	1		
10	Xác định lực bám giữ đinh vít	Mẫu	1		
M	THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA				
I	Thí nghiệm vật liệu bê tông nhựa				
1	Thiết kế thành phần cấp phối bê tông Nhựa (Cấp phối cơ sở)	TKCP	1		
2	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	Mẫu	1		
3	Xác định hàm lượng nhựa	Mẫu	1		
4	Xác định thành phần hạt	Mẫu	1		
5	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của BTN ở trạng thái rời	Mẫu	1		

STT	Tên chỉ tiêu, phép thử	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá trước thuế (VNĐ)	Ghi chú
6	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của BTN đã đầm nén	Mẫu	1		
7	Xác định độ rỗng dư, độ rỗng cốt liệu	Mẫu	1		
8	Xác định độ ổn định còn lại của BTN	Mẫu	1		
II	Thí nghiệm nhựa Bitum				
1	Xác định độ kim lún ở 25°C, chỉ số kim lún PI	Mẫu	1		
2	Xác định độ kéo dài ở 25°C	Mẫu	1		
3	Xác định nhiệt độ hóa mềm (PP vòng và bi)	Mẫu	1		
4	Xác định điểm chớp cháy và cháy bằng thiết bị thử cốc hở Cleveland	Mẫu	1		
5	Xác định lượng tổn thất khối lượng sau khi đun nóng 163°C	Mẫu	1		
6	Xác định độ hòa tan trong Trichloroethylene	Mẫu	1		
7	Xác định khối lượng riêng ở 25°C	Mẫu	1		
8	Xác định độ bám dính với đá	Mẫu	1		
III	Thí nghiệm nhựa POLYMER				
1	Xác định độ đàn hồi	Mẫu	1		
2	Xác định độ kim lún ở 25°C	Mẫu	1		
3	Xác định nhiệt độ hóa mềm (PP vòng và bi)	Mẫu	1		
4	Xác định độ kéo dài ở 25°C	Mẫu	1		
5	Xác định nhiệt độ bắt lửa	Mẫu	1		
6	Xác định độ hòa tan trong Trichloroethylene	Mẫu	1		
7	Xác định khối lượng riêng ở 25°C	Mẫu	1		
8	Xác định lượng tổn thất khối lượng sau khi đun nóng 163°C 9trong 5h với khối lượng ở 25°C	Mẫu	1		
9	Tỷ lệ kim lún khi đun nóng ở nhiệt độ 163°C trong 5h với khối lượng ở 25°C	Mẫu	1		
IV	Thí nghiệm nhũ tương nhựa đường a xít, nhựa đường lỏng				

STT	Tên chỉ tiêu, phép thử	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá trước thuế (VNĐ)	Ghi chú
1	Xác định độ ổn định lưu kho trong 24h	Mẫu	1		
2	Xác định lượng hạt quá cỡ (PP sàng)	Mẫu	1		
3	Xác định thử nghiệm trộn với xi măng	Mẫu	1		
4	Xác định độ dính bám và tính chịu nước	Mẫu	1		
5	Xác định Hàm lượng nhựa	Mẫu	1		
6	Xác định trộn lẫn với nước	Mẫu	1		
7	Xác định khối lượng thể tích	Mẫu	1		
8	Xác định độ dính bám với cốt liệu hiện trường	Mẫu	1		
V	Thí nghiệm bột khoáng trong bê tông nhựa				
1	Kiểm tra hình dáng bên ngoài	Mẫu	1		
2	Xác định thành phần hạt	Mẫu	1		
3	Xác định hàm lượng mất khi đun	Mẫu	1		
4	Xác định hàm lượng nước	Mẫu	1		
5	Xác định khối lượng riêng	Mẫu	1		
6	Xác định khối lượng thể tích	Mẫu	1		
7	Xác định hệ số hao nước	Mẫu	1		
8	Xác định hàm lượng chất hòa tan trong nước và độ rỗng bột khoáng chất	Mẫu	1		
9	Xác định khối lượng riêng của bột khoáng và nhựa đường	Mẫu	1		
10	Xác định độ rỗng dư của bột khoáng và nhựa đường	Mẫu	1		
11	Xác định độ trương nở của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	Mẫu	1		
12	Xác định chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	Mẫu	1		
N	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU SƠN TÍN HIỆU				
I	Thử nghiệm sơn lót				
1	Màu sắc	Mẫu	1		

STT	Tên chỉ tiêu, phép thử	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá trước thuế (VNĐ)	Ghi chú
2	Thời gian khô	Mẫu	1		
3	Độ dính bám	Mẫu	1		
4	Độ bền uốn	Mẫu	1		
5	Độ chịu dầu: Ngâm mẫu 1h trong dầu biến thể ở $25^{\circ}\text{C} \pm 2^{\circ}\text{C}$	Mẫu	1		
6	Độ chịu muối: Ngâm mẫu 18h trong dung dịch NaCl 20% ở $25^{\circ}\text{C} \pm 2^{\circ}\text{C}$	Mẫu	1		
7	Độ chịu nước: Ngâm mẫu 72h trong nước cất ở $25^{\circ}\text{C} \pm 2^{\circ}\text{C}$	Mẫu	1		
8	Độ chịu kiềm: Ngâm mẫu 72h trong dung dịch NaOH 20% ở $25^{\circ}\text{C} \pm 2^{\circ}\text{C}$	Mẫu	1		
9	Độ bền va đập	Mẫu	1		
II	Sơn nhiệt dẻo phản quang				
1	Thời gian khô	Mẫu	1		
2	Độ phát sáng	Mẫu	1		
3	Độ bền nhiệt	Mẫu	1		
4	Nhiệt độ hóa mềm	Mẫu	1		
5	Độ mài mòn	Mẫu	1		
6	Độ kháng chảy	Mẫu	1		
7	Khối lượng riêng	Mẫu	1		
8	Độ dính bám	Mẫu	1		
9	Hàm lượng hạt thủy tinh	Mẫu	1		
10	Hàm lượng chất tạo màng	Mẫu	1		
11	Màu sắc	Mẫu	1		
12	Hàm lượng Canxi Cacbonat	Mẫu	1		
III	Thí nghiệm sơn hiện trường				
1	Quang sát trực quang các dấu hiệu	Mẫu	1		
2	Độ dày vạch kẻ đường	Mẫu	1		
3	Chiều rộng của vạch kẻ đường	Mẫu	1		

STT	Tên chỉ tiêu, phép thử	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá trước thuế (VNĐ)	Ghi chú
4	Phản xạ (Phản Quang):				
4.1	- Sơn trắng	Mẫu	1		
4.2	- Sơn màu vàng	Mẫu	1		
5	Độ sáng:				
5.1	- Sơn trắng	Mẫu	1		
5.2	- Sơn màu vàng	Mẫu	1		
6	Chống trượt	Mẫu	1		
7	Độ dính dăm	Mẫu	1		
IV	Hạt thủy tinh				
1	Thành phần hạt	Mẫu	1		
2	Độ tròn	Mẫu	1		
3	Đặc tính chảy	Mẫu	1		
4	Trạng thái của bi	Mẫu	1		
O	THÍ NGHIỆM ĐIỆN, ỐNG ĐỒNG				
I	Thí nghiệm dây điện, cáp điện, dây tín hiệu	Mẫu			
1	Xác định đường kính, tiết diện sợi đồng, nhôm	Mẫu	1		
2	Xác định chiều dày lớp cách điện	Mẫu	1		
3	Xác định chiều dày vỏ bọc	Mẫu	1		
4	Xác định điện trở 1 chiều 20Oc và 70Oc	Mẫu	1		
5	Kích thước ngoài và độ oval	Mẫu	1		
6	Độ bền cơ của cáp	Mẫu	1		
7	Điện trở ruột dẫn	mẫu	1		
8	Thí nghiệm dây điện, dây cáp đồng	Mẫu			
P	THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU CHỐNG THẤM, MÀNG CHỐNG THẤM, THANH CHƯƠng NỞ				
1	Thí nghiệm vật liệu chống thấm, màng chống thấm	Mẫu	1		
2	Thí nghiệm thanh chương nở	Mẫu	1		
3	Thí nghiệm chỉ tiêu cơ lý Sika Top, Sika Grout	Mẫu	1		
4	Thí nghiệm độ co ngót, chương nở của vữa, bê tông	Mẫu	1		

STT	Tên chỉ tiêu, phép thử	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá trước thuế (VNĐ)	Ghi chú
Q	THÍ NGHIỆM VẢI ĐỊA KỸ THUẬT, BẮC THẨM VÀ VỎ BỌC BẮC THẨM	Mẫu	1		
R	THÍ NGHIỆM Ô ĐỊA KỸ THUẬT	Mẫu	1		
S	THỬ NGHIỆP CHỈ TIÊU ỐNG CÔNG, CÔNG HỘP				
1	Thử nghiệm ống công tròn	Mẫu	1		
2	Thử nghiệm ống công hộp	Mẫu	1		
T	THỬ NGHIỆM CỌC LI TÂM				
1	Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan	Mẫu	1		
2	Xác định cường độ nén bê tông	Mẫu	1		
3	Xác định độ bền uốn nứt thân cọc	Mẫu	1		
4	Xác định độ bền uốn thân cọc dưới tải trọng nén dọc trục	Mẫu	1		
5	Xác định độ bền cắt thân cọc	Mẫu	1		
6	Xác định độ bền uốn gãy thân cọc	Mẫu	1		
7	Xác định độ bền uốn mối nối	Mẫu	1		
U	THÍ NGHIỆM BENTONITE, POLIMER				
1	Thí nghiệm Các chỉ tiêu của bentonite, Polimer	Mẫu	1		
V	THÍ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG				
1	Đo điện trở chống sét	Điểm	1		
2	Thí nghiệm nắp hố ga	Mẫu	1		
3	Thí nghiệm bó vữa bê tông	Mẫu	1		
4	Thí nghiệm độ chặt K				
	+ Phương pháp dao vòng	Vị trí	1		
	+ Phương pháp rót cát	Vị trí	1		
5	Đo Môduyn đàn hồi (E)	Vị trí	1		
6	Đo môduyn đàn hồi dưới vết bánh xe (cần Benkenman)	Vị trí	1		
7	Thí nghiệm CBR hiện trường	Vị trí	1		
8	Khoan lấy mẫu kiểm tra chiều dày BTN	Mẫu	1		
9	Khoan lấy mẫu & kiểm tra độ chặt BTN	Mẫu	1		
10	Khoan lấy mẫu BTXM	Mẫu	1		

STT	Tên chỉ tiêu, phép thử	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá trước thuế (VNĐ)	Ghi chú
11	Gia công và nén mẫu khoan BTXM	Mẫu	1		
12	Xác định cường độ nén bê tông bằng súng bật nảy	01 Vùng	1		
13	Xác định cường độ bê tông bằng súng bật nảy & kết hợp siêu âm	01 Vùng	1		
14	Xác định độ đồng nhất bê tông bằng phương pháp siêu âm	01 Vùng	1		
15	Siêu âm mỗi hàn thép	m	1		
16	Thử từ mỗi hàn thép	m	1		
17	Thử chiều dày lớp sơn	ca	1		
18	Siêu âm cọc khoan nhồi (1 mặt cắt)	Cọc	1		
19	Siêu âm cọc khoan nhồi (3-6 mặt cắt)	Cọc	1		
20	Siêu âm cọc khoan nhồi (6-11 mặt cắt)	Cọc	1		
21	Khoan mùn cọc khoan nhồi	Cọc	1		
22	Xác định sức chịu tải cọc ép (PP ép dọc trực)	Tấn	1		
23	Xác định sức chịu tải cọc khoan nhồi (PP ép dọc trực)	Tấn	1		
24	Khoan lõi kiểm tra cường độ bê tông cọc khoan nhồi	m	1		
25	Thí nghiệm kiểm tra biến dạng nhỏ PIT	Cọc	1		
26	Thí nghiệm thử uốn nứt	Cọc	1		
27	Thí nghiệm thử uốn gãy	Cọc	1		
28	Thí nghiệm uốn dọc trực	Cọc	1		
29	Thí nghiệm uốn mỗi nối cọc	Cọc	1		
30	Thí nghiệm thử cắt	Cọc	1		
31	Thí nghiệm koden	Cọc	1		
- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT; - Thuế áp dụng theo quy định pháp luật hiện hành./					